TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **261/**2024/DS-ST
Ngày: 29/7/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

+ Ông **Trương Hoàng Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Thành Khánh Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Võ Thị H** – sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Địa diện ủy quyền: Anh **Phạm Ngọc D** – sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp HG, xã TMC, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

*<u>*Bị đơn:*</u> Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh năm 1976; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42/25/16 NTT, phường X, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Ông **Đoàn Phương Q** – sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:

- Anh **Đoàn Phương T** – sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

- Chị **Lê Thị Lan C** – sinh năm 1995; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: bà H có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Phương Q làm chủ hụi, hụi có hoa H. Cụ thể những dây hụi như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng/ tháng, khui hụi ngày 25/01/2023 (al), gồm có 26 phần, bà tham gia 02 phần, đóng nuôi hụi được 13 tháng, số tiền là 1.500.000 đồng / tháng x 13 tháng x 02 phần = 39.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/ tháng, khui hụi ngày 25/01/2023 (al), gồm có 26 phần, bà tham gia 02 phần, đóng nuôi hụi được 13 tháng, số tiền 1.500.000 đồng/ tháng x 13 tháng x 02 phần = 39.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/ tháng, khui hụi ngày 05/02/2023 (al) (tháng 02 nhuần), gồm có 25 phần, bà tham gia 01 phần, đóng nuôi hụi 12 tháng, số tiền 3.700.000 đồng/ tháng x 12 tháng = 44.400.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/ tháng, khui hụi ngày 20/02/2023 (al), gồm có 25 phần, bà tham gia 02 phần, đóng nuôi hụi 11 tháng, số tiền 1.500.000 đồng/tháng x 11 tháng x 02 phần = 33.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/ tháng, khui hụi ngày 05/11/2023 (al), gồm có 20 phần, bà tham gia 01 phần, đóng nuôi hụi 03 tháng, số tiền 3.650.000 đồng /tháng x 03 tháng = 10.950.000 đồng.

Tổng số tiền bà đóng hụi cho bà T, ông Q là 166.350.000 đồng. Hiện nay cả hai dây hụi trên đều đã ngưng hoạt động, bể hụi nhưng đến nay phía ông Q, bà T vẫn không trả tiền cho bà. Quá trình tham gia hụi, anh Đoàn Phương T nhận tiền hụi và chị Lê Thị Lan C lập danh sách cho hụi viên và nhận tiền đóng hụi của các hụi viên. Nay bà yêu cầu ông Q, bà T, anh T và chị C liên đới trả cho bà số tiền 166.350.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà trình bày: bà và ông Đoàn Phương Q kết hôn năm 1988, do ở chung với ba mẹ cH nên không có đi làm, không có nguồn thu nhập ổn định. Vào năm 2008, bà làm hụi góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hụi tiền đầu thảo để có tiền mua sắm tư trang cá nhân. Giữa năm 2008, bà tổ chức tham gia hụi và bà là đầu thảo hụi, mỗi tháng mở hụi từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hụi gom hụi, giao hụi đều cho các hụi viên. Công việc làm hụi ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hụi viên không có khả năng đóng hụi nên bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hụi viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hụi thay cho các hụi viên đã hốt. Nay bà còn thiếu bà Võ Thị H số tiền hụi là 166.350.000 đồng và xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Đoàn Phương Q vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông trình bày: vào năm 1988, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Ông bà có hai con chung là Đoàn Phương Tiến và Đoàn Phương T. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân, việc vô hụi góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương T và chị Lê Thị Lan C xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 166.350.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền hụi còn nợ nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T là anh Nguyễn Thanh S, bị đơn ông Đoàn Phương Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương T và chị Lê Thị Lan C xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa: anh Phạm Ngọc D - Đại diện ủy quyền của bà Võ Thị H trình bày bà H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền hụi 166.350.000 đồng, không yêu cầu anh Đoàn Phương T và chị Lê Thị Lan C cùng liên đới trả tiền. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi, hụi có hoa H. Tại bản tự khai, bà T thừa nhận là bà có làm chủ hụi và bà H có tham gia hụi với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà H và bà T có xác lập giao dịch hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận và thống nhất số tiền hụi còn nợ bà H là 166.350.000 đồng. Quá trình tham gia hụi, bà H là hụi viên, đóng hụi đầy đủ cho bà T. Hiện nay, các dây hụi bà H tham gia đều bị bể hụi, phía bà T không hoàn trả lại số tiền đóng hụi cho bà H là vi phạm trách nhiệm của chủ họ theo quy định

tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 166.350.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Ông Đoàn Phương Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì việc vô hụi góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia. Ông và bà Nguyễn Thị T là vợ cH nhưng đã ly thân từ năm 2000 đến nay. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T, ông Q cư trú thì ông Q, bà T hiện vẫn chung sống vợ cH cùng nhà tại địa chỉ ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo. Bà T làm chủ hụi rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hụi và khui hụi, ông Q cH bà T cùng con trai và con dâu là anh Đoàn Phương T, chị Lê Thị Lan C có nhiệm vụ giúp bà T gom hụi, nhận tiền hụi, giao hụi và lập danh sách hụi viên. Ngoài việc giúp bà T làm hụi thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dừa. Do đó lời trình bày của ông Q cho rằng ông không liên quan gì đến việc tranh chấp hụi giữa các hụi viên với bà T là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ cH nên ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả tiền cho bà H theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về tiền lãi: bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về thời gian trả: Đại diện ủy quyền của bà T tại biên bản hòa giải trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà H không đồng ý mà yêu cầu bà T, ông Q trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà T, ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

- Áp dụng Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị H số tiền 166.350.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2024/QĐ-BPKCTT ngày 25/06/2024.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q phải chịu 8.317.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.159.000 đồng theo biên lai thu số 0007404 ngày 08/4/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Chợ Gạo;*
- *C cục THADS huyện Chợ Gạo;*
- *Ñöông söï;*
- *Löu hoà sô, án văn.*

Phan Thị Cẩm Tiên